

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM KHAI SÁNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM KHAI SÁNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM KHAI SANG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TÂM KHAI SÁNG

2. Mã số doanh nghiệp: 0108880688

3. Ngày thành lập: 29/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

N05 – 25 Đường Láng Hạ , Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466556221

Fax:

Email: suhocdichthuc.khaisang@gmail.com Website: suhocdichthuc.khaisang.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu + Chi tiết:Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; + Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); + Đào tạo về sự sống; + Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; + Giáo dục dự bị; + Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Loại trừ: Dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể	8559(Chính)
3.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Tư vấn du học	8560
4.	Quảng cáo	7310
5.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
6.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102
8.	Xây dựng nhà để ở	4101
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Xây dựng công trình điện	4221

12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn; Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
15.	Xây dựng công trình thủy	4291
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; Chia tách đất với cải tạo đất	4299
19.	Phá dỡ	4311
20.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	6619
26.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: cho thuê phòng trọ	5590
29.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
30.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
31.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
32.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
33.	Hoạt động thể thao khác	9319
34.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
35.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
36.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
37.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

38.	Dịch vụ đóng gói	8292
39.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5629
40.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
41.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
42.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
43.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
44.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
47.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
49.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
53.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ tư vấn chứng khoán, thanh toán hồi phiếu	7490
54.	Xuất bản phần mềm	5820
55.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
56.	Hoạt động hậu kỳ	5912
57.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
58.	Hoạt động chiếu phim	5914
59.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
60.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
61.	Trồng cây lâu năm khác	0129

62.	In ấn	1811
63.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
64.	Sao chép bản ghi các loại	1820
65.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
66.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
67.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
69.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
70.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Loại trừ hợp báo	8230
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu tất cả mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG HÀ MY	Số 23 Đường Đặng Dung, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	125.000.000	12,500	001196014077	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	12.500	125.000.000	12,500		
2	NGUYỄN THẾ NGHĨA	TDP Xuân Lộc 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	125.000.000	12,500	014087000122	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	12.500	125.000.000	12,500		

3	TRẦN THẾ CÔNG	Số 37, tổ 34, khu 4, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	131509527
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	
4	HOÀNG MẠNH NINH	Số 21 phố Phạm Đình Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	125.000.000	12,500	0300860000 15
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.500	125.000.000	12,500	
5	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	P1115 – CT1 Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	125.000.000	12,500	0401870000 50
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.500	125.000.000	12,500	

6	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Tổ 11, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	031560644
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG MẠNH NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030086000015

Ngày cấp: 21/05/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21 phố Phạm Đình Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2109 – Khu căn hộ Vincom Center Bà Triệu – Số 114 phố Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội